TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Vũ

2. Bà Trần Thanh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2022/TLST-HNGĐ ngày 23/11/2022 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Dương Thị H**, sinh năm 1988 (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Dương Tấn P**, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Huỳnh Thị L**, 59 tuổi (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp HT, xã VBN, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 08/11/2022, biên bản lấy lời khai ngày*

*30/11/2022, biên bản hòa giải ngày 07/12/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà **Dương Thị H** trình bày:*

Bà và ông Dương Tấn P chung sống với nhau năm 2014 có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông P kiếm chuyện ghen tuông vô cớ, có lần cãi nhau ông Phát đánh bà bằng tay, có lần phải nhờ đến sự can thiệp của chính quyền địa phương, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng nhiều, không thể khắc phục được và đã ly thân nhau từ tháng 8 năm 2022 đến nay.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung tên Dương Gia Thảo A, sinh ngày 07/11/2014 và Dương Gia Bảo K, sinh ngày 24/12/2019.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Dương Tấn P;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông Phát cấp dưỡng nuôi con; hiện bà đang mua bán phế liệu tại nhà ở khu phố Đ, thị trấn B, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, thu nhập trung bình mỗi tháng 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nên đủ điều kiện để nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 28/11/2022, biên bản hòa giải ngày 07/12/2022 và trong quá trình xét xử bị đơn ông **Dương Tấn P** trình bày:*

Về thời gian vợ chồng chung sống, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, về con là hoàn toàn đúng như bà Dương Thị H trình bày trên, ông không trình bày gì thêm.

Về mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ việc làm ăn kinh tế gia đình và do bà Hồng ăn nhậu với người khác giới nên có lần ông đã đánh bà H bằng tay. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 04 tháng nay.

Ông làm tài xế chạy xe chở phế liệu cho bà H, bà H không có trả lương nên không có thu nhập.

Về tài sản: Vợ chồng được cha mẹ vợ tặng cho phần đất 13 công tầm 03 mét, đất tọa lạc tại khu phố Đ, thị trấn B, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

Về nợ: Vợ chồng có nợ bà Huỳnh Thị L, 59 tuổi, ở ấp HT, xã VBN, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang số tiền 50.000.000 đồng, mượn vào năm 2018.

Nay theo yêu cầu của bà H, ông có ý kiến như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với bà Dương Thị H, vì còn thương bà H;

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông thì ông có ý kiến như sau:

2. Về quan hệ nuôi con chung: Đồng ý giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con cùng bà H sau khi vợ chồng ly hôn.

Chỉ thống nhất thu nhập của bà H từ trung bình mỗi tháng từ 02 đến 03 triệu đồng, vì mua bán phế liệu thường bị thua lỗ.

3. Về quan hệ tài sản chung: Yêu cầu được hưởng ½ tài sản chung của vợ chồng là phần đất 13 công tầm 03 mét, đất tọa lạc tại khu phố Đ, thị trấn B, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang;

4. Về quan hệ nợ chung: Ông chịu trách nhiệm trả ½ số nợ cho bà Huỳnh Thị L; giao bà H trả ½ số nợ cho bà Huỳnh Thị L.

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn bà Dương Thị H có ý kiến: Vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu; về nợ, trước đây có mượn nợ bà Huỳnh Thị L, nhưng bà L đã hứa cho vợ chồng nên xác định không còn nợ.

- Bị đơn ông Dương Tấn P vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên. Đồng thời, thừa nhận vào ngày 27/01/2023 có đánh bà Dương Thị H tại quán AN thuộc khu phố P, thị trấn B. Bản thân hiện tại không xác định được bà H có nghề nghiệp hay thu nhập gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L vắng mặt lần thứ hai không lý do, mặc dù đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn trong quá trình

giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên tòa xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề như sau, về quan hệ hôn nhân: cho bà Dương Thị H ly hôn với ông Dương Tấn P; về quan hệ nuôi con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà H và ông P, giao cháu Dương Gia Thảo A, sinh ngày 07/11/2014 và Dương Gia Bảo K, sinh ngày 24/12/2019 cho bà H trực tiếp nuôi, ông P không cấp dưỡng nuôi con cùng bà H sau khi vợ chồng ly hôn; về quan hệ tài sản chung và về nợ chung: không có tranh chấp nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án (Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải), bị đơn ông Dương Tấn P xác định vợ chồng có nợ bà Huỳnh Thị L số tiền 50.000.000 đồng nên Tòa án đã đưa bà Huỳnh Thị L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự trong vụ án, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Dương Thị H và bị đơn ông Dương Tấn P không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị H và ông Dương Tấn P tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2014. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông P là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình băm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H thấy rằng: Theo bà H trình bày cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường cãi nhau do ông P thường ghen tuông vô cớ, có lần trong lúc cãi nhau ông P đánh bà bằng tay, dẫn đến vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn ngày càng nhiều không thể khắc phục được và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau. Tại phiên tòa hôm nay, bà H vẫn cương quyết ly hôn với ông P, mặc dù Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Bản thân ông P tuy không đồng ý ly hôn với bà H, nhưng vẫn xác định và thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ việc làm ăn kinh tế của gia đình, có lần cãi nhau ông đã đánh bà H bằng tay và vợ chồng cũng đã ly thân nhau.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn bà H có cung cấp cho Tòa án Quyết định số 263/QĐ-XPHC ngày 06/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Dương Tấn P, vì ông Phát có hành vi đánh đập, gây thương tích cho bà Dương Thị H (phù hợp với lời thừa nhận của ông Dương Tấn P tại phiên tòa).

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn và thời gian ly thân của vợ chồng của bà Hồng, ông Phát là có thật, phù hợp với lời trình bày của bà H, ông P nêu trên (bút lục số 26).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy ông P đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mối quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông P không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông P theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ nuôi con chung: Giữa bà H và ông P thống nhất xác định, vợ chồng có 02 đứa con chung tên Dương Gia Thảo A, sinh ngày 07/11/2014 và Dương Gia Bảo K, sinh ngày 24/12/2019. Sau khi ly hôn giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi và cháu Thảo A cũng đã có ý kiến bằng văn bản được sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Thấy rằng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và cũng phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn

nhân và gia đình nên cần ghi nhận.

Việc bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con cùng bà sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện. Tuy ông P không thống nhất mức thu nhập của bà H nêu ra, nhưng khi hòa giải vẫn thừa nhận bà H có nghề nghiệp và có thu nhập tương đối ổn định nên xác định được bà H có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do đó, ông P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng bà H sau khi vợ chồng ly hôn.

- Về quan hệ tài sản chung: Tại biên bản hòa giải ngày 07/12/2022, bị đơn ông Dương Tấn P xác định vợ chồng được cha mẹ vợ tặng cho phần đất 13 công tầm 03 mét, đất tọa lạc tại khu phố Đ, thị trấn B, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang và yêu cầu được hưởng ½ tài sản chung này. Đồng thời, ông P có ý kiến sẽ nộp đơn yêu cầu chia tài sản vào ngày 12/12/2022. Trường hợp hết ngày 12/12/2022 mà ông không nộp đơn thì xem như ông không có yêu cầu chia tài sản.

Tuy ý kiến của bị đơn ông P nêu ra tại thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng Tòa án vẫn tạo điều kiện cho ông P thực hiện quyền yêu cầu phản tố của ông, nhằm mục đích giải quyết dứt điểm vụ án. Hết hạn theo ý kiến ông P nêu ra khi hòa giải, mà không P vẫn không nộp đơn về việc yêu cầu chia tài sản và thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định.

Đối với nguyên đơn bà Dương Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, cha mẹ bà chưa cho bà và ông P phần đất nào.

Vì vậy, trong vụ án này xác định giữa nguyên đơn bà H và bị đơn ông P không có tài sản chung, không tranh chấp gì nên HĐXX không xem xét.

- Về quan hệ nợ chung: Cũng tại biên bản hòa giải ngày 07/12/2022, bị đơn ông P xác định vợ chồng có nợ bà Huỳnh Thị L, 59 tuổi, ở ấp HT, xã VBN, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang số tiền 50.000.000 đồng mượn vào năm 2018 và yêu cầu mỗi người (ông P, bà H) chịu trách nhiệm trả ½ số tiền còn thiếu cho bà L. Vì vậy, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định để bà L biết mà thực hiện quyền yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quy định tại Điều 201 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng bà L vẫn không thể hiện ý kiến, yêu cầu gì.

Ý kiến của ông P nêu ra về phần nợ không được bà H thừa nhận và ông P

cũng không tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L không ý kiến yêu cầu gì về nợ. Vì vậy, không có căn cứ để xác định bà H, ông P có nợ người khác trong vụ án này nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Dương Thị H có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà H phải chịu **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 68, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Dương Thị H ly hôn ông Dương Tấn P.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Dương Thị H và ông Dương Tấn P, cụ thể: Sau khi ly hôn, giao Dương Gia Thảo A, sinh ngày 07/11/2014 và Dương Gia Bảo K, sinh ngày 24/12/2019 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng *(đúng theo nguyện vọng của Dương Gia Thảo A)*, ông P không cấp dưỡng nuôi con cùng bà H sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Không xem xét.

4 - Về án phí: Bà Dương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000 đồng**, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002604 ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/02/2023); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *Tòa án tỉnh KG;*
- *VKS huyện, tỉnh;*
- *Các Đ/s;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND TT B;*
- *Lưu (HSVA, VPTA).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh